

HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM HỌC 2020 – 2021

Ngô Thị Dung*, Nguyễn Hồng Thiệp, Nguyễn Thị Thanh Trúc,
Nguyễn Thị Kim Tho, Nguyễn Thị Sang Sang

Trường Đại học Y dược Cần Thơ

*Email: ntdung@ctump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, việc tự học của sinh viên là hoạt động bắt buộc và có liên quan đến kết quả học tập của sinh viên. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nhằm mô tả thực trạng hoạt động tự học của sinh viên và xác định mối liên quan giữa kết quả học tập với hoạt động tự học của sinh viên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên toàn bộ 179 sinh viên điều dưỡng của trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Thu thập dữ liệu bằng bộ câu hỏi tự điền với 25 câu hỏi khảo sát kỹ năng, phương pháp, hình thức, thời gian và địa điểm tự học. **Kết quả:** Kỹ năng được thực hiện tốt nhất là “Hoàn thành đầy đủ bài tập ở nhà” (95,6%), phương pháp tự học được áp dụng thường xuyên nhất là “Học theo trọng tâm bài giảng” (76%), hình thức tự học được áp dụng thường xuyên nhất là “Học độc lập một mình”, 54,75% sinh viên thường xuyên học từ 2-4 giờ/ngày. Có mối liên quan giữa kết quả học tập học kỳ gần nhất với kỹ năng lập kế hoạch học tập ($p < 0,001$), tham khảo và nghiên cứu tài liệu ($p < 0,001$); tóm tắt và soạn lại bài học ($p = 0,007$), học theo trọng tâm bài giảng ($p=0,013$). **Kết luận:** Kỹ năng tự học “Hoàn thành đầy đủ bài tập ở nhà” được sinh viên thực hiện tốt nhất, phương pháp tự học được sinh viên thường xuyên áp dụng nhất là học theo trọng tâm bài giảng, hình thức học độc lập một mình được sinh viên áp dụng nhiều nhất. Việc lập kế hoạch học tập, tham khảo và nghiên cứu tài liệu, tóm tắt và soạn lại bài học và học theo trọng tâm bài giảng là các yếu tố liên quan đến kết quả học tập của sinh viên.

Từ khóa: tự học, lập kế hoạch học tập, kỹ năng tự học.

ABSTRACT

SELF-STUDY ACTIVITIES OF NURSING STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY, 2020-2021.

Ngô Thị Dung, Nguyễn Hồng Thiệp, Nguyễn Thị Thanh Trúc,
Nguyễn Thị Kim Tho, Nguyễn Thị Sang Sang
Can Tho University Medicine and Pharmacy

Background: In the credit-based training program, self-study is a compulsory activity that is related to students' learning results. **Objective:** To describe the status of students' self-study activities and determine the relationship between learning results and students' self-study activities. **Materials and methods:** A cross-sectional study was conducted with 179 nursing students of Can Tho University of Medicine and Pharmacy. A self-completed questionnaire was used including 25 questions surveying skills, methods, forms, time, and place of self-study. **Results:** The best-performed skill was “Complete assignments” (95.6%), and the most frequently applied self-study method was “Study according to the focus of the lesson” (76%). The most frequently applied form of self-study was “Study independently”,

54.75% of students regularly studied 2-4 hours/day. There were significant relationships between the results of the last semester with study planning skills ($p < 0.001$), referencing and researching materials ($p < 0.001$); summarizing and revising the lessons ($p = 0.007$), learning according to the focus of the lessons ($p = 0.013$). **Conclusions:** "Complete assignments" was recorded as the best-performed skill, the most frequently applied self-study method was "Study according to the focus of the lesson", and the most frequently applied form of self-study was "Study independently". Study planning, referencing and researching materials, summarizing and revising lessons, and learning according to the focus of the lessons were factors related to student learning outcomes.

Keywords: self-study, study planning, self-study skills.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tự học của sinh viên là hoạt động mang tính chất tự giác, tự nghiên cứu. Khi chuyển sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được tính vào nội dung và thời lượng của chương trình; thời gian học tập lý thuyết, học tập trên lớp giảm xuống sẽ giảm bớt sự truyền thụ kiến thức của người dạy; thời gian tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được tăng lên nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học [3].

Nghiên cứu của Lee Sun Hee cho thấy việc tự học có tác động tích cực đến các giá trị nghề nghiệp của điều dưỡng, học tập theo định hướng của bản thân có thể là một phương pháp sư phạm hiệu quả để thấm nhuần và củng cố các giá trị nghề nghiệp điều dưỡng [9]. Nghiên cứu Lý Văn Xuân tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh cho thấy 70,5% sinh viên khá – giỏi thường xuyên nghiên cứu giáo trình bài giảng và tham khảo tài liệu trước khi đến lớp, trong khi chỉ có 29,5% sinh viên trung bình và trung bình khá thực hiện hoạt động này thường xuyên 29,5% [8].

Mặc dù việc tự học ngày càng quan trọng và trở nên bắt buộc nhưng nhiều sinh viên vẫn còn thụ động trong việc thực hiện hoạt động này. Chương trình đào tạo ngành điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã chuyển sang hệ thống tín chỉ từ năm 2013, yêu cầu về tự học của sinh viên ngày càng trở nên quan trọng nhưng chưa có nghiên cứu nào tại trường để đánh giá hoạt động này. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: Mô tả thực trạng hoạt động tự học và xác định mối liên quan giữa kết quả học tập với hoạt động tự học của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên ngành điều dưỡng đang học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm học 2020-2021.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên điều dưỡng hệ 4 năm.
- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên đang học học kỳ 1 năm thứ nhất.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang.
- **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:** Lấy mẫu toàn bộ, cỡ mẫu 179 sinh viên.
- **Nội dung nghiên cứu:** Bao gồm các thông tin về đối tượng nghiên cứu, các thông tin về hoạt động tự học gồm: thời gian, địa điểm, kỹ năng, phương pháp và hình thức tự học.
- **Phương pháp thu thập số liệu:** Sử dụng bộ câu hỏi tự điền. Bộ câu hỏi được tham khảo từ nghiên cứu của tác giả Lý Văn Xuân và Lý Khánh Vân [8]. Bảng câu hỏi được gửi vào giờ giải lao tại các lớp có tiết học buổi sáng hoặc buổi chiều trên giảng đường để tránh làm ảnh hưởng đến thời gian học của sinh viên. Sinh viên được giải thích về mục đích

nghiên cứu và cách thức điền vào phiếu khảo sát. Sinh viên ký vào phiếu đồng thuận nếu chấp thuận tham gia nghiên cứu.

Nội dung khảo sát về kỹ năng, hình thức và phương pháp tự học gồm:

- 6 câu hỏi khảo sát mức độ áp dụng các kỹ năng tự học với 3 mức độ (rất tốt, tốt, chưa tốt).
- 8 câu hỏi về việc áp dụng các phương pháp tự học độ 3 mức độ (thường xuyên, thỉnh thoảng, không áp dụng).

- 5 câu hỏi về việc áp dụng các hình thức tự học với 3 mức độ (thường xuyên, thỉnh thoảng, không áp dụng).

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Sử dụng phần mềm thống kê SPSS 20.0, thống kê tần số, tỷ lệ để mô tả thực trạng hoạt động tự học, tìm mối liên quan giữa các hoạt động tự học và kết quả học tập của sinh viên bằng phép kiểm Fisher.

Nghiên cứu này đã được thông qua hội đồng y đức theo quyết định số 2510/ĐHYDCT ngày 22 tháng 12 năm 2021.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu trên 179 sinh viên ngành điều dưỡng từ năm nhất đến năm cuối, chúng tôi thu được kết quả như sau:

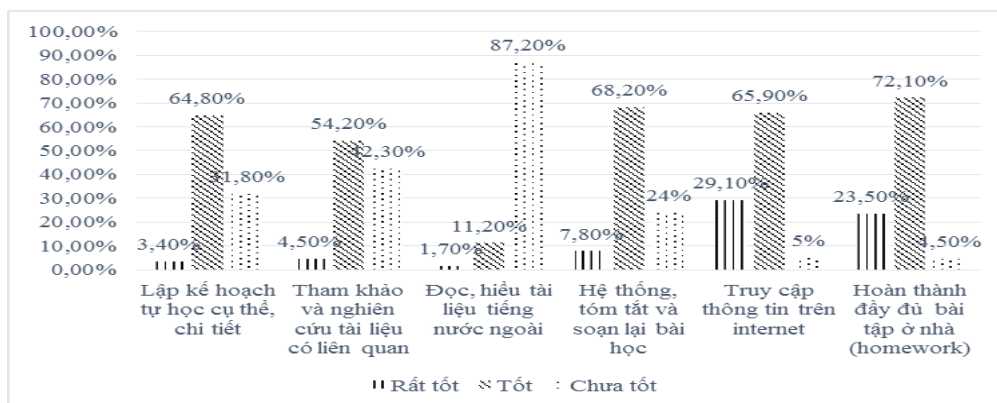
3.1. Đặc điểm sinh viên tham gia nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm về thời gian tự học, kết quả học kỳ gần nhất của sinh viên

| Đặc điểm | Tần số (n=179) | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------|----------------|-----------|
| Giới tính | Nam | 149 |
| | Nữ | 30 |
| Thời gian tự học | < 2 giờ | 37 |
| | 2-4 giờ | 98 |
| | >4-6 giờ | 38 |
| | >6 giờ | 6 |
| Kết quả học kỳ gần nhất | Giỏi | 32 |
| | Khá | 118 |
| | Trung bình | 29 |

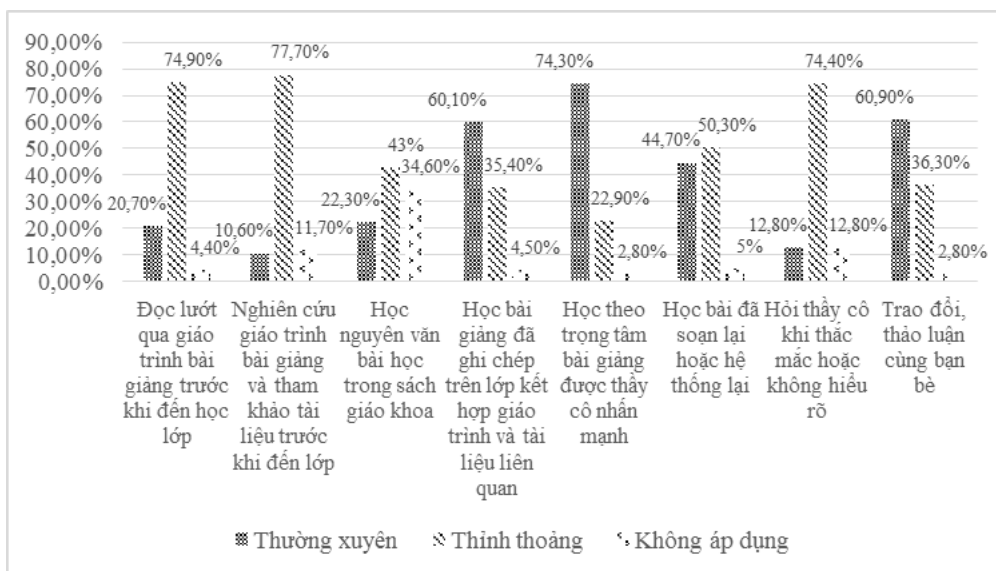
Nhận xét: Đa số sinh viên là nữ (83,2%), 54,75% sinh viên thường xuyên học từ 2-4 giờ, kết quả học tập gần nhất của sinh viên đạt loại khá chiếm tỷ lệ cao nhất (66%).

3.2. Thực trạng tự học của sinh viên



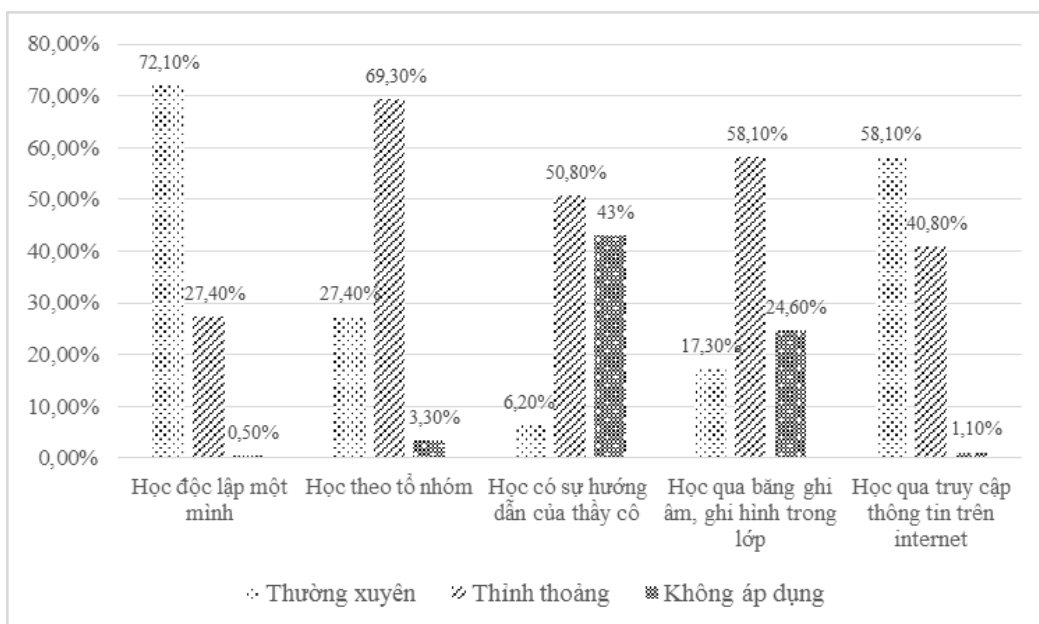
Biểu đồ 1. Kỹ năng tự học của sinh viên

Nhận xét: Kỹ năng tự học “Hoàn thành đầy đủ bài tập ở nhà” được sinh viên đánh giá từ tốt đến rất tốt (tỷ lệ 95,6%).



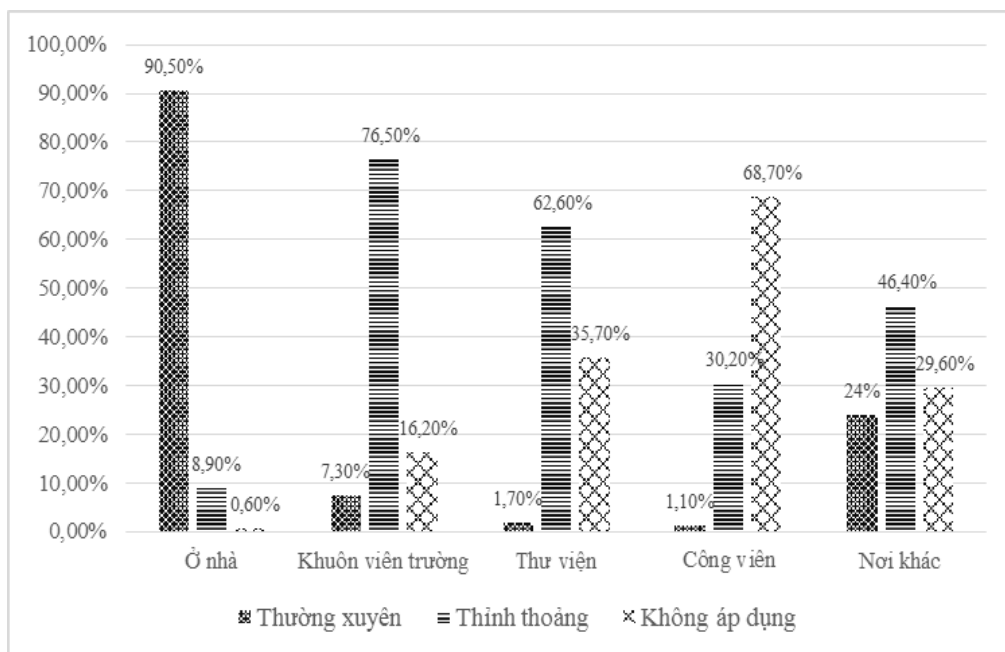
Biểu đồ 2. Phương pháp tự học của sinh viên

Nhận xét: Phương pháp tự học được sinh viên thường xuyên áp dụng nhất là học theo trọng tâm bài giảng được thầy cô nhấn mạnh (tỷ lệ 76%), chỉ 10,6% sinh viên thường xuyên áp dụng “Nghiên cứu giáo trình bài giảng và tham khảo tài liệu trước khi đến lớp”.



Biểu đồ 3. Hình thức tự học của sinh viên

Nhận xét: Sinh viên chủ yếu học độc lập một mình (72,1%).



Biểu đồ 4. Địa điểm tự học sinh viên

Nhận xét: Sinh viên thường xuyên tự học tại nhà (90,5%), chỉ có 1,7% sinh viên thường xuyên học tại thư viện.

3.3. Mối liên quan giữa kết quả học tập học kỳ gần nhất và hoạt động tự học

Bảng 2. Mối liên quan giữa kết quả học tập học và một số hoạt động tự học

| Hoạt động tự học | | Giỏi | Khá | Trung bình | P |
|---|---------------|------------|------------|------------|------------------|
| Lập kế hoạch tự học cụ thể, chi tiết | Rất tốt | 10 (66,7%) | 4 (26,7%) | 1 (6,6%) | < 0,001 (Fisher) |
| | Tốt | 19 (17%) | 76 (67,9%) | 17 (15,1%) | |
| | Chưa tốt | 4 (7,7%) | 38 (73,1%) | 10 (19,2%) | |
| Tham khảo và nghiên cứu tài liệu có liên quan | Rất tốt | 10 (62,5%) | 5 (31,3%) | 1 (6,2%) | < 0,001 (Fisher) |
| | Tốt | 20 (21,5%) | 58 (62,4%) | 15 (16,1%) | |
| | Chưa tốt | 3 (4,3%) | 55 (78,6%) | 12 (17,1%) | |
| Hệ thống, tóm tắt và soạn lại bài học | Rất tốt | 7 (38,9%) | 9 (50%) | 2 (11,1%) | 0,007 (Fisher) |
| | Tốt | 25 (20,2%) | 82 (66,1%) | 17 (13,7%) | |
| | Chưa tốt | 1 (2,7%) | 27 (73%) | 9 (24,3%) | |
| Học theo trọng tâm bài giảng được thầy cô nhấn mạnh | Thường xuyên | 32 (23,5%) | 84 (61,8%) | 20 (14,7%) | 0,013 (Fisher) |
| | Thỉnh thoảng | 1 (2,6%) | 29 (76,3%) | 8 (21,1%) | |
| | Không áp dụng | 0 (0%) | 5 (100%) | 0 (0%) | |

Nhận xét: Có mối liên quan giữa kết quả học tập học kỳ gần nhất với một số kỹ năng tự học, bao gồm: lập kế hoạch học tập cụ thể, chi tiết; tham khảo và nghiên cứu tài liệu có liên quan; hệ thống, tóm tắt và soạn lại bài học (với P lần lượt là <0,001; <0,001; 0,007; 0,013).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm sinh viên tham gia nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số sinh viên là nữ (83,2%, *bảng 1*). Sự chênh lệch về phân bố giới tính này đặc thù của ngành điều dưỡng. Đa số sinh viên thường xuyên dành thời gian tự học là 2-4 giờ/ngày (54,7%), chỉ 24,5% sinh viên dành 4 giờ/ngày cho việc tự học (*bảng 1*). Kết quả này ghi nhận thời gian dành cho tự học của sinh viên ít hơn so với nghiên cứu của Lý Văn Xuân (41,9% dành trên 4 giờ/ngày cho việc tự học) [8]. Căn cứ vào thời khóa biểu học kì 2 năm học 2020-2021 của sinh viên Điều dưỡng trung bình mỗi ngày sinh viên có từ 2-3 tiết học, như vậy theo qui định đào tạo theo hệ thống tín chỉ sinh viên phải dành 4-6 giờ tự học mỗi ngày. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên dành từ 4-6 giờ/ngày cho việc tự học chỉ chiếm 24,5%, trong khi đó sinh viên dành dưới 2 giờ/ngày vẫn còn khá cao chiếm 20,7%. Điều này cho thấy sinh viên dành thời gian cho việc tự học khá thấp hay nói cách khác không đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo theo hệ thống tín chỉ hiện nay.

4.2. Thực trạng tự học của sinh viên

Về kỹ năng tự học, các kỹ năng tự học được sinh viên đánh giá từ tốt đến rất tốt: “lập kế hoạch học tập cụ thể, chi tiết” (71%), “Hệ thống tóm tắt và soạn lại bài học” (79,4%), “Truy cập thông tin trên internet” (tỷ lệ 94,9%), “Hoàn thành đầy đủ bài tập ở nhà” (95,6%) (*biểu đồ 1*). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Đoàn Văn Khải và Lý Văn Xuân [6], [8]. Đây là những kỹ năng cần có để giúp sinh viên nâng cao hiệu quả tự học cũng như kết quả học tập [1]. Tuy nhiên, sinh viên tự đánh giá thực hiện chưa tốt kỹ năng “Lập kế hoạch học tập cụ thể, chi tiết” vẫn còn ở mức khá cao chiếm 29,1%. Còn 20,7% sinh viên tự đánh thực hiện chưa tốt kỹ năng “Hệ thống, tóm tắt và soạn lại bài học”. Kết quả này cũng tương tự như nghiên cứu của Lý Văn Xuân [8]. Theo Vũ Thị Thùy Dung, hệ thống, tóm tắt và soạn lại bài học tạo thành cái khung cơ thể cho những kiến thức học được ở lộ trình ấy. Từ đó định hướng cho sinh viên tìm được tài liệu tham khảo phù hợp nhằm lý giải thêm, mở rộng và nâng cao kiến thức trong giáo trình [2].

Đa số sinh viên áp dụng kỹ năng “Tham khảo và nghiên cứu tài liệu có liên quan” ở mức từ tốt đến rất tốt (60,9%, *biểu đồ 1*). Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Đinh Thị Hoa ghi nhận chỉ 9,6% sinh viên đọc sách và tham khảo tài liệu bổ sung [5]. Bên cạnh đó, nghiên cứu của chúng tôi cũng ghi nhận tỷ lệ khá cao sinh viên thực hiện chưa tốt kỹ năng này (39,1%, *biểu đồ 1*). Theo Vũ Thị Thùy Dung, tài liệu tham khảo được chia thành 3 loại chính: tài liệu do giảng viên hướng dẫn, loại do sinh viên tự tìm có chủ định, loại cập nhật thường xuyên qua sách báo. Dựa vào nội dung của giáo trình định hướng cho sinh viên tìm tài liệu tham khảo. Đọc, nghiên cứu nhiều tài liệu có liên quan giúp sinh viên học sâu, hiểu sâu để có thể trở thành một chuyên gia sau đó vận dụng những kiến thức đã học được vào thực tiễn để tạo ra những sản phẩm mới, nếu không đó cũng chỉ là lý thuyết suông. Nắm được qui tắc phương pháp học này, sinh viên sẽ giỏi rất nhanh [2].

Phương pháp tự học được sinh viên thường xuyên áp dụng là học theo trọng tâm bài giảng được thầy cô nhấn mạnh (76%, *biểu đồ 2*). Trong khi “Nghiên cứu giáo trình bài giảng và tham khảo tài liệu trước khi đến lớp” chỉ 10,6% sinh viên thường xuyên áp dụng. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Lý Văn Xuân [8]. Cho thấy sinh viên vẫn giữ thói quen, cách học cũ, chưa phát huy được khả năng tự học, tự nghiên cứu. Theo Nguyễn Thành Hải, thầy cô ở bậc đại học đóng vai trò là người hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, người đi trước trong ngành nghề truyền đạt lại kiến thức, kinh nghiệm cho người đi sau.

Vì vậy, thời gian lên lớp của thầy cô chủ yếu là giải đáp thắc mắc và hướng dẫn các tài liệu, các phần nên đọc trong học phần của môn học, dạy phương pháp, dạy cách học. Cách học ở đại học chủ yếu là tự học, tự tìm tòi, tự tra cứu tài liệu nhưng với số lượng tài liệu vô cùng lớn, sinh viên khó có thể tìm được chính xác tài liệu thích hợp cho môn học. Vì vậy, cần có sự hướng dẫn của thầy cô trong việc học của sinh viên [7].

Về hình thức tự học, hầu hết sinh viên học độc lập một mình (72,1%, biểu đồ 3). Các hình thức học theo tổ nhóm, học theo sự hướng dẫn của thầy cô hoặc cha mẹ, học qua băng ghi âm, ghi hình chiếm tỷ lệ thấp chỉ từ (6,1-27,4%). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Đoàn Văn Khái và Lý Văn Xuân [6], [8]. Kết quả này cho thấy quá trình học tập của sinh viên thường xuyên diễn ra độc lập, ít có sự kết hợp theo nhóm. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Hiền cho rằng làm việc nhóm giúp nâng cao năng lực tự học, giúp sinh viên nhớ lâu, hiểu sâu kiến thức [4].

Về địa điểm tự học, kết quả cho thấy sinh viên thường xuyên tự học tại nhà (90,5%), đáng chú ý là chỉ có 1,7% sinh viên thường xuyên học tại thư viện (biểu đồ 4). Mức độ sẵn sàng tiếp cận với thư viện là cơ sở phản ánh mức độ tự học, tìm tòi, học hỏi của sinh viên. Thư viện không những là nơi chứa đựng vốn tài liệu phong phú mà còn là nơi kết nối tri thức, giúp sinh viên làm giàu tri thức trong quá trình sinh viên đang lĩnh hội và tìm tòi học hỏi. Kết quả này ghi nhận tỷ lệ sinh viên học tại thư viện thấp hơn một số nghiên cứu khác, nhưng cho thấy sự tương đồng với nghiên cứu của Trần Văn Khái, Lý Văn Xuân, Nguyễn Đình Bình khi số sinh viên học tại thư viện thường chiếm tỷ lệ thấp nhất [6], [8], [1]. Điều này có thể được lý giải là do sinh viên chưa có phương pháp tự học, chưa thấy được lợi ích của thư viện trong việc tự học và nghiên cứu cũng như sự cần thiết phải vào thư viện. Ngoài ra trước sự bùng nổ thông tin như hiện nay, có nhiều nguồn tìm kiếm tài liệu như mạng internet, truyền hình... nên thư viện khó thu hút được nhiều sinh viên.

4.3. Mối liên quan giữa kết quả học tập với hoạt động tự học của sinh viên

Kết quả nghiên cứu ghi nhận một số yếu tố liên quan đến kết quả học tập, bao gồm: lập kế hoạch học tập cụ thể, chi tiết; tham khảo và nghiên cứu tài liệu có liên quan; hệ thống, tóm tắt và soạn lại bài học. Việc tham khảo, nghiên cứu nhiều tài liệu có liên quan giúp sinh viên học sâu, hiểu sâu [2]. Vì vậy, mối liên quan giữa thói quen tham khảo và nghiên cứu tài liệu có liên quan với kết quả học tập là điều dễ hiểu. Kỹ năng hệ thống, tóm tắt, soạn lại bài học và phương pháp học theo trọng tâm bài giảng được thầy, cô nhấn mạnh cũng là các yếu tố có liên quan đến kết quả học tập (bảng 2). Theo Vũ Thị Thùy Dung, việc hệ thống, tóm tắt và soạn lại bài học tạo thành cái khung cho những kiến thức học được, do đó đây được xem là mối liên quan rất yếu với kết quả học tập [2].

V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu 179 sinh viên cho thấy đa số sinh viên tự học bằng cách hoàn thành bài tập (95,6%), học theo trọng tâm bài giảng (76%) và học một mình (72,1%). Rất ít sinh viên có thói quen thường xuyên tự học tại thư viện (1,7%). Có mối liên quan giữa kết quả học tập học kỳ gần nhất với kỹ năng lập kế hoạch học tập ($p < 0,001$), tham khảo và nghiên cứu tài liệu ($p < 0,001$); tóm tắt và soạn lại bài học ($p = 0,007$), học theo trọng tâm bài giảng ($p=0,013$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Bình (2019), "Giải pháp nâng cao hoạt động tự học của sinh viên trường Đại học Sài Gòn hiện nay", *Tạp chí khoa học*, (Số 63), trang 96-105.
2. Vũ Thị Thùy Dung (2019), "Một số kinh nghiệm về phương pháp học tập ở bậc Đại học", *Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam*, (Số 17), trang 27-31.
3. Nguyễn Thành Hải (2010), "Phương pháp học tập chủ động ở bậc Đại học", Trung tâm nghiên cứu cải tiến phương pháp dạy và học Đại học, Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên – ĐH Quốc Gia TP. HCM.
4. Nguyễn Thị Minh Hiền (2014), "Thực trạng kỹ năng làm việc nhóm trong học tập của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Hồng Đức", *Tạp chí khoa học*, (số 17), trang 18-25.
5. Đinh Thị Hoa, Đàm Thu Vân và Đào Thị Thu Phương (2018), "Thực trạng hoạt động tự học của sinh viên Hoa Lư, Ninh Bình", *Tạp chí giáo dục*, (số 443), trang 23-25.
6. Đoàn Văn Khái (2017), "Nâng cao năng lực tự học của sinh viên Trường Đại học Ngoại Thương", *Tạp chí Kinh tế Đối Ngoại*, (Số 95).
7. Nguyễn Thị Kiều Thu (2020), "Phát triển năng lực tự học cho sinh viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh", *Tạp chí giáo dục*, (số 485), trang 40. 16 (17)
8. Lý Văn Xuân và Lý Khánh Vân (2018), *Khảo sát hoạt động tự học của sinh viên Y đa khoa năm thứ hai Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh năm 2016-2017*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.
9. Lee Sun Hee, Kim Dong Hee & Chae Sun Mi (2020), Self-directed learning and professional values of nursing students, *Nurse education in practice*, 42, 102647.

(Ngày nhận bài: 31/5/2022 – Ngày duyệt đăng: 29/08/2022)
